

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/KDTM-ST

Ngày: 19-9-2025

v/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồ Quỳnh Uyên

Ông Đặng Văn Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyên Khang là Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 29/2024/TLST-KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2025/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 3 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2025/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2025, Thông báo v/v thời gian mở lại phiên tòa số 12/TB-TA ngày 08 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Trụ sở: Số A đường L, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội, nay là: Số A đường L, phường Y, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Q1 và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Q. Trụ sở: Số A G, phường Ô, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Anh D - Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trương Phương N - Chức vụ: Chuyên viên (Văn bản uỷ quyền số 322/UQ-MBAMC ngày 22/04/2024) (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần T1. Địa chỉ: Số E đường L, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng, nay là: Số E đường L, phường C, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Bà Đoàn Ngọc Diễm M - Chức vụ: Chủ tịch

HĐQT kiêm Giám đốc (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Võ Văn H, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Số A đường D, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, nay là: Số A đường D, phường H, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

Bà Phan Thị Quỳnh L, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Số A đường D, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, nay là Số A đường D, phường H, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

Tổng công ty Đ. Địa chỉ: Số G đường H, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là: Số G đường H, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2025, đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 05/8/2025 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng Q), bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương Phương N trình bày:*

Công ty T1 có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng Q theo các Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng cho vay số 62501.20.331.8131723TD ngày 26/11/2020; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD2033803267 ngày 03/12/2020: vay số tiền 6.000.000.000 đồng, ngày giải ngân 03/12/2020, ngày đáo hạn 03/12/2027, mục đích vay: Thanh toán tiền mua bán và lắp đặt điện mặt trời mái nhà cho Công ty CP M1, thời gian vay: 84 tháng.

2. Hợp đồng cho vay số 67705.20.331.8131723.TD ngày 07/12/2020, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD2034640002 ngày 11/12/2020: vay số tiền 9.300.000.000 đồng, ngày giải ngân 11/12/2020, ngày đáo hạn 11/12/2027, mục đích vay: Thanh toán tiền mua bán và lắp đặt điện mặt trời mái nhà cho Công ty CP M1, thời gian vay: 84 tháng.

3. Hợp đồng cho vay số 69089.20.331.8131723.TD ngày 14/12/2020; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD2035040754 ngày 14/12/2020: vay số tiền 9.000.000.000 đồng, ngày giải ngân 15/12/2020, ngày đáo hạn 15/12/2027, mục đích vay: Thanh toán tiền mua bán và lắp đặt điện mặt trời mái nhà cho Công ty CP M1, thời gian vay: 84 tháng.

4. Hợp đồng cho vay số 70928.20.331.8131723.TD ngày 31/12/2020; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD2100513472 ngày 05/01/2021: vay số tiền 7.500.000.000 đồng, ngày giải ngân 05/01/2021, ngày đáo hạn 05/01/2028, mục đích vay: Thanh toán tiền mua bán và lắp đặt điện mặt trời mái nhà cho Công ty CP M1, thời gian vay: 84 tháng.

Để đảm bảo cho 04 khoản vay trên thì Công ty T1 đã thế chấp các tài sản sau:

Tài sản 1: Máy móc thiết bị: Hệ thống điện mặt trời mái nhà công suất <1MW tại địa chỉ: T đất số 717, tờ bản đồ số 11, khu phố F, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương (bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ máy móc thiết bị, các vật tư phụ kiện kèm theo, lợi tức và quyền phát sinh) hình thành từ phương án Ngân hàng tài trợ theo Hợp đồng kinh tế số HUNG/KIMY-MQ-MITSU ngày 01/11/2020 giữa Công ty T1 với Liên doanh Công ty Cổ phần M1 - Công ty TNHH T2.

Tài sản 2: Quyền đòi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ các khoản nợ, khoản phải thu, khoản được nhận thanh toán, hoàn trả, tiền lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại, thụ hưởng bảo hiểm, bảo lãnh và các tài sản, quyền tài sản khác (nếu có) của Bên thế chấp đã, đang và sẽ hình thành, phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện cho hệ thống điện mặt trời mái nhà số 20/000194 ngày 22/12/2020; bên có nghĩa vụ: Tổng công ty Đ;

Tài sản 3: Máy móc thiết bị: Hệ thống điện mặt trời mái nhà công suất <1MW trên mái nhà xưởng thửa đất số 152, tờ bản đồ số 17, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, đặc điểm chi tiết theo Hợp đồng kinh tế số THUONG1/KIMY-MQ-MITSU ngày 01/11/2020 giữa Công ty T1 với Liên doanh Công ty Cổ phần M1 - Công ty TNHH T2.

Tài sản 4: Quyền đòi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ các khoản nợ, khoản phải thu, khoản được nhận thanh toán, hoàn trả, tiền lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại, thụ hưởng bảo hiểm, bảo lãnh và các tài sản, quyền tài sản khác (nếu có) của Bên thế chấp đã, đang và sẽ hình thành, phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện cho hệ thống điện mặt trời mái nhà số 20/000193 ngày 22/12/2020; bên có nghĩa vụ: Tổng công ty Đ;

Tài sản 5: Máy móc thiết bị: Hệ thống điện mặt trời mái nhà công suất <1MW trên mái nhà xưởng thửa đất số 1042, 1044, tờ bản đồ số 37, khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương, đặc điểm chi tiết quy định tại Khoản 3.1 Điều 1 Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai số 70437.20.331.8131723.BĐ ngày 14/12/2020.

Tài sản 6: Quyền đòi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ các khoản nợ, khoản phải thu, khoản được nhận thanh toán, hoàn trả, tiền lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại, thụ hưởng bảo hiểm, bảo lãnh và các tài sản, quyền tài sản khác (nếu có) của Bên thế chấp đã, đang và sẽ hình thành, phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện cho hệ thống điện mặt trời mái nhà số 20/000195 ngày 21/12/2020; bên có nghĩa vụ: Tổng công ty Đ;

Tài sản 7: Máy móc thiết bị: Hệ thống điện mặt trời mái nhà công suất <1MW trên mái nhà xưởng thửa đất số 96, 101, tờ bản đồ số 11, phường V, Tân thị xã T, tỉnh Bình Dương, đặc điểm chi tiết quy định tại Phụ lục 01 kèm theo và Khoản

3.1 Điều 1 Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai số 76477.20.331.8131723.BĐ ngày 04/01/2021.

Tài sản 8: Quyền đòi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ các khoản nợ, khoản phải thu, khoản được nhận thanh toán, hoàn trả, tiền lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại, thụ hưởng bảo hiểm, bảo lãnh và các tài sản, quyền tài sản khác (nếu có) của Bên thế chấp đã, đang và sẽ hình thành, phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện cho hệ thống điện mặt trời mái nhà số 1717369 ngày 30/12/2020; bên có nghĩa vụ: Tổng công ty Đ (đại diện ký kết Hợp đồng mua bán điện là Điện lực Trung tâm Công ty Đ1);

Tài sản 9: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37; tờ bản đồ số B1-19 (GD2); diện tích: 100 m²; địa chỉ: Khu đô thị S - giai đoạn 2, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 445344 do UBND thành phố Đ cấp ngày 14/08/2014 đã được đăng ký chính lý biên động cho ông Võ Văn H, bà Phạm Thị Quỳnh L1 ngày 26/12/2018) theo Hợp đồng thế số 65593.20.331.8131723.BĐ ngày 26/11/2020, công chứng tại Văn phòng C.

Toàn bộ tài sản đảm bảo nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 25/8/2023. Do đó, Ngân hàng Q đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Q theo các Hợp đồng tín dụng cùng các Khế ước nhận nợ kèm theo với tổng số tiền (tạm tính đến ngày 15/04/2024) là 22.026.981.774 đồng, trong đó: Nợ gốc là 20.300.591.799 đồng, nợ lãi là: 1.726.389.975 đồng

- Buộc Công ty T1 thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo thỏa thuận tại (các) Hợp đồng cho vay đã ký kết với Ngân hàng Q cùng (các) khế ước nhận nợ kèm theo kể từ ngày 16/04/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trường hợp Công ty T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên, thì Ngân hàng Q có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Q.

Quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết, Công ty T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 15.189.327.742 đồng và Ngân hàng đã giải chấp các tài sản thế chấp là: Tài sản 1, 2, 3, 4, 7, 8, 9 nêu trên. Đối với tài sản thế chấp là: Tài sản 5 và 6 thì Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với 09 tài sản bảo đảm nêu trên và đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc Công ty T1 phải trả nợ cho Ngân hàng Q tổng số tiền là 10.251.700.336 đồng, trong đó: Nợ gốc: 5.111.264.057 đồng, lãi trong hạn:

3.345.256.846 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.393.127.101 đồng và lãi chậm trả: 402.052.332 đồng (tạm tính đến ngày 19/9/2025), cụ thể:

- Đối với Hợp đồng cho vay số 62501.20.331.8131723TD ngày 26/11/2020: Lãi trong hạn: 619.459.518 đồng, lãi quá hạn: 237.109.636 đồng, lãi chậm trả: 77.377.624 đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay số 67705.20.331.8131723.TD ngày 07/12/2020: Lãi trong hạn: 979.624.737 đồng, lãi quá hạn: 361.642.420 đồng, lãi chậm trả: 112.344.622 đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay số 69089.20.331.8131723.TD ngày 14/12/2020: Nợ gốc: 5.111.264.057 đồng, lãi trong hạn: 960.416.427 đồng, lãi quá hạn: 511.566.771 đồng, lãi chậm trả: 116.905.229 đồng

- Đối với Hợp đồng cho vay số 70928.20.331.8131723.TD ngày 31/12/2020: Lãi trong hạn: 785.756.164 đồng, lãi quá hạn: 282.808.274 đồng, lãi chậm trả: 95.424.857 đồng.

Buộc Công ty T1 phải tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 20/9/2025 cho đến khi thi hành án xong.

** Đối với bị đơn Công ty T1:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết cấp tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần để bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cử người đại diện tham gia tố tụng đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại Công văn số 5195/EVNSPC-PC ngày 25/6/2024 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng công ty Đ trình bày:* Tổng công ty Đ (EVNSPC) đang quản lý và ký kết 04 hợp đồng mua bán điện mặt trời mái nhà với Công ty T1, cụ thể: Hợp đồng số 20/000193 ngày 22/12/2020, hợp đồng số 20/000194 ngày 22/12/2020, hợp đồng số 20/000195 ngày 21/12/2020, hợp đồng số 1717369 ngày 30/7/2021. Đối với hợp đồng số 20/000195: EVNSPC đã thanh toán tiền mua ĐMTMN 01 lần trong tháng 01/2021 thì sau đó hệ thống ĐMTMN gặp sự cố hoả hoạn vào ngày 15/01/2021. EVNSPC đã nhiều lần trao đổi, đề nghị Công ty T1 sớm khôi phục lại hệ thống ĐMTMN này nhưng đến nay vẫn không khôi phục, nên hợp đồng trên không phát sinh sản lượng điện và EVNSPC không có cơ sở thanh toán cho Công ty T1. Đối với 03 hợp đồng còn lại thì EVNSPC đã thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán phần sản lượng điện đã nhận cho đến ngày 31/12/2023.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H và bà Phan Thị Quỳnh L:* Mặc dù ông Võ Văn H và bà Phan Thị Quỳnh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm

ngừng phiên toà và Thông báo v/v thời gian mở lại phiên toà nhưng ông Võ Văn H và bà Phan Thị Quỳnh L vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với 09 tài sản bảo đảm của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2025 thì nguyên đơn Ngân hàng Q yêu cầu bị đơn Công ty T1 thanh toán số tiền nợ vay theo 04 Hợp đồng cho vay với mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 17/2017/QH14, quan hệ pháp luật là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có trụ sở tại: Số E đường L, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng, nay là: Số E đường L, phường C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, tại thời điểm thụ lý vụ án ngày 30/5/2025, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng Q và Công ty T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Đến thời điểm hiện nay, căn cứ vào mục 6.55 Phụ lục tên gọi và phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; kế thừa quyền và nghĩa vụ trách nhiệm của Tòa án nhân dân khu vực của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày

27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân thì Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tiếp tục giải quyết vụ án nêu trên.

[3] Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Tổng công ty Đ, ông Võ Văn H và bà Phan Thị Quỳnh L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Q rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 09 tài sản gồm: Tài sản 1,2,3,4,5,6,7,8,9 (được nêu cụ thể tại phần trình bày của nguyên đơn ở mục nội dung vụ án của Bản án). HĐXX nhận thấy: Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng Q.

[5] Về pháp luật nội dung áp dụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn thể hiện: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ vay theo 04 hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng cho vay số 62501.20.331.8131723TD ngày 26/11/2020, Hợp đồng cho vay số 67705.20.331.8131723.TD ngày 07/12/2020, Hợp đồng cho vay số 69089.20.331.8131723.TD ngày 14/12/2020, Hợp đồng cho vay số 70928.20.331.8131723.TD ngày 31/12/2020, các giao dịch đều phát sinh vào năm 2020. Do đó, HĐXX xem xét áp dụng Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 và Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 17/2017/QH14 để giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản tiền nợ gốc và nợ lãi:

[5.1] Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như: Hợp đồng cho vay số 62501.20.331.8131723TD ngày 26/11/2020 và đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ số LD2033803267 ngày 03/12/2020, Hợp đồng cho vay số 67705.20.331.8131723.TD ngày 07/12/2020 và đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ số LD2034640002 ngày 11/12/2020, Hợp đồng cho vay số 69089.20.331.8131723.TD ngày 14/12/2020 và đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ số LD2035040754 ngày 14/12/2020, Hợp đồng cho vay số 70928.20.331.8131723.TD ngày 31/12/2020 và đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ số LD2100513472 ngày 05/01/2021, HĐXX có cơ sở để xác định: Công ty T1 vay tiền của Ngân hàng Q theo 4 hợp đồng vay, cụ thể: Ngày

26/11/2020, Công ty T1 có ký kết Hợp đồng cho vay số 62501.20.331.8131723TD để vay số tiền 6.000.000.000 đồng (thời hạn vay 84 tháng từ ngày giải ngân là ngày 03/12/2020 đến ngày 03/12/2027); ngày 07/12/2020, Công ty T1 tiếp tục ký kết Hợp đồng cho vay số 67705.20.331.8131723.TD để vay số tiền 9.300.000.000 đồng (thời hạn vay 84 tháng từ ngày giải ngân là ngày 11/12/2020 đến ngày 11/12/2027); ngày 14/12/2020, Công ty T1 tiếp tục ký kết Hợp đồng cho vay số 69089.20.331.8131723.TD để vay số tiền 9.000.000.000 đồng (thời hạn vay 84 tháng từ ngày giải ngân là ngày 15/12/2020 đến ngày 15/12/2027) và ngày 31/12/2020, Công ty T1 tiếp tục ký kết Hợp đồng cho vay số 70928.20.331.8131723.TD để vay số tiền 7.500.000.000 đồng (thời hạn vay 84 tháng từ ngày giải ngân là ngày 05/01/2021 đến ngày 05/01/2028). Bốn hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết giữa Công ty T1 và Ngân hàng Q là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Đồng thời, các Hợp đồng tín dụng trên có hình thức và nội dung phù hợp với Điều 117 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 và các Điều 23, 27 và 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

[5.2] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng thì Công ty T1 đã thanh toán hết số tiền nợ gốc theo 03 hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cho vay số 62501.20.331.8131723TD ngày 26/11/2020, Hợp đồng cho vay số 67705.20.331.8131723.TD ngày 07/12/2020, Hợp đồng cho vay số 70928.20.331.8131723.TD ngày 31/12/2020, tuy nhiên, Công ty T1 chưa thực hiện việc trả tiền lãi phát sinh theo 03 hợp đồng tín dụng nêu trên.

[5.3] Đối với Hợp đồng cho vay số 69089.20.331.8131723.TD ngày 14/12/2020: Ngân hàng Q xác nhận Công ty T1 còn nợ số tiền gốc là 5.111.264.057 đồng. Theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Hợp đồng cho vay số 69089.20.331.8131723.TD ngày 14/12/2020 và mục 3 đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số LD2035040754 ngày 14/12/2020 thì thời hạn vay số tiền 9.000.000.000 đồng là 84 tháng (kể từ ngày từ ngày giải ngân là ngày 15/12/2020 đến ngày 15/12/2027), trả nợ gốc theo 81 kỳ và trả lãi đúng hạn theo quy định. Tuy khoản vay trên chưa đến hạn, nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã vi phạm phân kỳ trả nợ từ ngày 25/8/2023. Do đó, Ngân hàng Q đã khởi kiện Công ty T1 thanh toán toàn bộ số tiền nợ trước hạn là phù hợp với thỏa thuận của hai bên quy định điểm e khoản 4.2.1 Điều 8 Hợp đồng cho vay số 69089.20.331.8131723.TD ngày 14/12/2020 và khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 17/2017/QH14 nên HĐXX chấp nhận.

[5.4] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định Công ty T1 còn nợ Ngân hàng Q tổng số tiền là 10.251.700.336 đồng, trong đó: Nợ gốc: 5.111.264.057 đồng, lãi trong hạn: 3.345.256.846 đồng; nợ lãi quá

hạn: 1.393.127.101 đồng và lãi chậm trả: 402.052.332 đồng (tạm tính đến ngày 19/9/2025), cụ thể: Đối với Hợp đồng cho vay số 62501.20.331.8131723TD ngày 26/11/2020: Lãi trong hạn: 619.459.518 đồng, lãi quá hạn: 237.109.636 đồng, lãi chậm trả: 77.377.624 đồng. Đối với Hợp đồng cho vay số 67705.20.331.8131723.TD ngày 07/12/2020: Lãi trong hạn: 979.624.737 đồng, lãi quá hạn: 361.642.420 đồng, lãi chậm trả: 112.344.622 đồng. Đối với Hợp đồng cho vay số 69089.20.331.8131723.TD ngày 14/12/2020: Nợ gốc: 5.111.264.057 đồng, lãi trong hạn: 960.416.427 đồng, lãi quá hạn: 511.566.771 đồng, lãi chậm trả: 116.905.229 đồng. Đối với Hợp đồng cho vay số 70928.20.331.8131723.TD ngày 31/12/2020: Lãi trong hạn: 785.756.164 đồng, lãi quá hạn: 282.808.274 đồng, lãi chậm trả: 95.424.857 đồng. Công ty T1 phải tiếp tục chịu lãi tính từ ngày 20/9/2025 cho đến khi trả dứt điểm số tiền trên theo lãi suất đã thỏa thuận. HĐXX xét thấy: Bị đơn Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận tại 04 hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng Q. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q buộc Công ty T1 có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền là 10.251.700.336 đồng, trong đó: Nợ gốc: 5.111.264.057 đồng, lãi trong hạn: 3.345.256.846 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.393.127.102 đồng và lãi chậm trả: 402.052.332 đồng và lãi tiếp tục tính từ ngày 20/9/2025 cho đến khi Công ty T1 trả dứt điểm số tiền trên theo lãi suất đã thỏa thuận là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong 04 Hợp đồng cho vay gồm: Hợp đồng cho vay số 62501.20.331.8131723TD ngày 26/11/2020, Hợp đồng cho vay số 67705.20.331.8131723.TD ngày 07/12/2020, Hợp đồng cho vay số 70928.20.331.8131723.TD ngày 31/12/2020 và Hợp đồng cho vay số 69089.20.331.8131723.TD ngày 14/12/2020, cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 17/2017/QH14, điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 nên HĐXX chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là cơ sở phù hợp với nhận định trên của HĐXX nên được chấp nhận.

Từ những phân tích đã nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q.

[7] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là $112.000.000 + 0,1\% \times (10.251.700.336 - 4.000.000.000) = 118.251.700$ đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Do nguyên đơn Ngân hàng Q rút yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp nên nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 4 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự là 23.000.000 đồng (Ngân hàng đã nộp và đã chi xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 30, 35, 39, 157, 227, 228, 244, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15;
- Điều 117, điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;
- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 17/2017/QH14;
- Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với Công ty Cổ phần T1.

2. Buộc Công ty Cổ phần T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q tổng số tiền là 10.251.700.336 đồng, trong đó: Nợ gốc: 5.111.264.057 đồng, lãi trong hạn: 3.345.256.846 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.393.127.101 đồng và lãi chậm trả: 402.052.332 đồng (tạm tính đến ngày 19/9/2025), cụ thể:

- Đối với Hợp đồng cho vay số 62501.20.331.8131723TD ngày 26/11/2020: Lãi trong hạn: 619.459.518 đồng, lãi quá hạn: 237.109.636 đồng, lãi chậm trả: 77.377.624 đồng.
- Đối với Hợp đồng cho vay số 67705.20.331.8131723.TD ngày 07/12/2020: Lãi trong hạn: 979.624.737 đồng, lãi quá hạn: 361.642.420 đồng, lãi chậm trả: 112.344.622 đồng.
- Đối với Hợp đồng cho vay số 69089.20.331.8131723.TD ngày 14/12/2020: Nợ gốc: 5.111.264.057 đồng, lãi trong hạn: 960.416.427 đồng, lãi quá hạn: 511.566.771 đồng, lãi chậm trả: 116.905.229 đồng.
- Đối với Hợp đồng cho vay số 70928.20.331.8131723.TD ngày 31/12/2020: Lãi trong hạn: 785.756.164 đồng, lãi quá hạn: 282.808.274 đồng, lãi chậm trả: 95.424.857 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 118.251.700 đồng (Một trăm mười tám triệu hai trăm năm mươi một nghìn bảy trăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí 65.013.491 đồng (Sáu mươi lăm triệu không trăm mười ba nghìn bốn trăm chín mươi một đồng) theo biên lai thu số 0001611 ngày 30/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng) (đã nộp và đã chi xong).

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS tp. Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Tuyền

